

Bản án số: **55/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-5-2022
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Đình Khôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh P, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 11, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 11, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông V vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thanh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Thành V tổ chức lễ cưới vào năm 1996 tại thị trấn Tân Phú, tuy nhiên thời điểm đó chúng bà P và ông V chưa đăng ký kết hôn mà đến tháng 12/1999 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi tổ chức cưới xong, bà ở tại thị trấn Tân Phú còn ông V thuê nhà trọ ở trên thành phố Hồ Chí Minh từ đó cho đến nay, anh V thỉnh thoảng mới về nhà ở cùng với bà vào những ngày nghỉ cuối tuần. Thực tế bà và ông V sống với nhau không hề hạnh phúc vì lý do vợ chồng sống xa cách, không thường xuyên gần gũi, không chia sẻ những khó khăn, trách nhiệm trong cuộc sống và bản thân bà hoàn toàn không hề biết mọi vấn

đề liên quan đến cuộc sống, công việc và quan hệ xã hội của ông V, ông V cũng không hề tâm sự cho bà biết. Nguyên nhân chính mà bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông V là do vợ chồng sống quá khác biệt, không hề có sự quan tâm đến nhau và kèm theo việc thường xuyên phải sống xa cách nên tình cảm vợ chồng mờ nhạt theo thời gian cho đến nay thì tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

- Về nuôi con: Bà P trình bày có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn V, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Bà P trình bày bà và ông V tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án đã trực tiếp đến địa phương nơi ông V và bà P sinh sống không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

P biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Về hôn nhân: Cho bà P được ly hôn với ông V. Về con chung: Đương sự trình bày các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thành V có nơi cư trú tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Võ Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Thành V. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định tư cách đương sự bà P là nguyên đơn và ông V là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.5] Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 29/12/1999. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà P thì vợ chồng sống không mấy hạnh phúc do thiếu tình cảm và thường xuyên xa cách, vợ chồng không có sự chia sẻ về những khó khăn, trách nhiệm trong gia đình. Bản thân bà P không hề biết mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống, công việc cũng như mối quan hệ xã hội của ông V và ông V không hề tâm sự cho bà biết. Chính những điều này đã dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau, tình cảm vợ chồng mờ nhạt và không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Bản thân ông V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ không quan tâm, không hợp tác, không có thiện chí đoàn tụ gia đình khi biết bà P có đơn yêu cầu ly hôn.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, bà P và ông V đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Bà P trình bày có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn V, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Bà P trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh P.

- Về hôn nhân: Cho bà Võ Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

- Về nuôi con: Bà P trình bày có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn V, sinh năm 2001. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản: Không xem xét

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Phương đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002247 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Số 46, ngày 29/12/1999) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi